TOÀ ÁN ND HUYỆN SƠN ĐỘNG **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **05** /2024/DS - ST
Ngày 17 / 4 / 2024

"Kiện đòi tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG - TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Văn Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1) Ông Ngọc Đức Minh

2) Bà Nguyễn Thị Bắc

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Phượng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Động;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động tham gia phiên toà: Ông Hoàng Minh Đức - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2023/DSST ngày 27 tháng 10 năm 2023 về "Kiện đòi tài sản". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXX - ST ngày 23 tháng 02 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2024/QĐXX - ST ngày 20 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty TNHH một thành viên C chỉ: Số A đường Đ, Phường A, Quận B, thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo ủy quyền bà Triệu Nguyễn Huệ A – Chức danh: Nhân viên công ty TNHH một thành viên C1– Chi nhánh T21.

- *Bị đơn*: Anh Vũ Đức T, sinh năm 1997
Nơi cư trú: Thôn P, xã V, huyện S, Bắc Giang.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*: Ông Vũ Xuân P năm 1965; Nơi cư trú: Thôn P, xã V, huyện S, Bắc Giang.

(Bà A có đơn đề nghị xử vắng mặt; Anh Tông P1 mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Đơn khởi kiện, những lời khai tiếp theo có trong hồ sơ đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 25/5/2023, anh Vũ Đức T1 Công ty TNHH một thành viên C1– Chi

nhánh T1có ký hợp đồng dịch vụ số 01247394, anh T2 thực hiện công việc phát đơn hàng cho Công ty, hàng ngày nhận bưu gửi tại bưu cục để mang đi giao cho khách hàng, sau khi giao hàng thì nhận thu lại tiền hàng và tiền cước theo từng bưu gửi, cuối ngày nộp lại số tiền đã thu được và bưu gửi chưa giao được cho nhân viên bưu cục vào lúc 18 giờ cùng ngày.

Ngày 09/6/2023, anh Vũ Đức T3 nhận và giao hàng thành công 26 đơn hàng, thu được tổng số tiền hàng là 8.397.633đ và tiền cước vận chuyển là 23.000đ; tổng số tiền hàng và cước thu được là 8.420.633đ. Sau khi thực hiện công việc xong anh T4 nộp tiền về bưu cục theo quy định, nhân viên bưu cục đã yêu cầu anh T5 nhưng anh T4 nộp và không đến Công ty làm việc nữa. Kể từ ngày 10/6/2023 đến nay Công ty không thể gặp hay liên lạc được cho anh T6

Do đó, Công ty TNHH một thành viên C2 cầu anh Vũ Đức T7 có trách nhiệm trả cho Công ty số tiền hàng là 8.420.633đ, tiền lãi tính 10%/năm từ ngày 10/6/2023 cho đến nay đối với số tiền chưa trả 8.420.633đ; trường hợp anh Vũ Đức T8 có khả năng trả được thì ông Vũ Xuân P2 người đứng ra bảo lãnh phải trả thay cho anh T6 Ngoài ra Công ty không có yêu cầu gì khác.

2. Bị đơn anh Vũ Đức T vắng mặt tại nơi cư trú; Tòa án giao thông báo về việc thụ lý vụ án, các giấy triệu tập, thông báo phiên họp và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho gia đình anh T1 niêm yết tại địa phương để anh T9 đến làm việc tại Tòa án; Anh T không chấp hành đến làm việc và cố tình dấu địa chỉ, nên Tòa án không thu thập được lời khai của anh T6

3. Quá trình làm việc tại tại Tòa án người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Vũ Xuân P3 trình bày như sau:

Anh Tlà con trai ông và vẫn đang chung sống cùng với ông tại Thôn P, xã V, huyện S; từ tháng 05/2023 cho đến nay anh T8 còn ở cùng ông nữa, gia đình ông không liên lạc được với anh Vũ Đức T1 không biết anh T10 nay đang làm gì ở đâu.

Việc anh T11 ký hợp đồng hay làm việc với Công ty TNHH một thành viên C1– Chi nhánh T1như thế nào ông không biết. Ông cũng không được ký đơn xin bảo lãnh ngày 23/5/2023 để anh T12 làm việc tại Công ty nên anh T13 tiền Công ty như thế nào ông không biết.

Nay Công ty TNHH một thành viên C2 cầu anh Vũ Đức T7 có trách nhiệm trả cho Công ty số tiền hàng là 8.420.633đ, tiền lãi tính 10%/năm từ ngày 10/6/2023 cho đến nay; trường hợp anh Vũ Đức T8 có khả trả được yêu cầu ông là người đứng ra bảo lãnh phải trả thay cho anh T14 không nhất trí. Ngoài ra ông không có yêu cầu gì khác.

3. Nhận xét của Viện kiểm sát đối với việc tuân theo pháp luật tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án:

Về Tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến kết thúc phần tranh luận chuyển vào nghị án; Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn thực hiện đúng theo quy

định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không chấp hành pháp luật là vi phạm về nghĩa vụ.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 26; 35; 144, 147, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 463, 466 và 470 Bộ luật Dân sự. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ – UBTVQH 14 quy định về án phí, lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH một thành viên C1– Chi nhánh T1đối với bị đơn anh Vũ Đức T15 có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Vũ Xuân P4

2. Buộc anh Vũ Đức T phải trả cho Công ty TNHH một thành viên C1 – Chi nhánh T1 số tiền nợ là 8.420.633đ, tiền lãi tính đến ngày 17/4/2024 là 865.000đ, tổng tiền nợ + tiền lãi là 9.285.600đ. Trường hợp anh Vũ Đức T8 trả được thì ông Vũ Xuân P5 trả cho Công ty TNHH một thành viên C1 – Chi nhánh T1 số tiền 9.285.600đ.

Về lãi suất chậm thi hành án: Theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Anh Vũ Đức T7 chịu 464.000đ tiền án phí DSST. Hoàn trả Công ty TNHH một thành viên C1– Chi nhánh T1số tiền 300.000đ nộp tạm ứng án phí DSST, biên lai số 0000774 ngày 25/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Động.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Công ty TNHH một thành viên C1– Chi nhánh T1khởi kiện anh Vũ Đức T16 Vũ Xuân P3 tại Tòa án nhân dân huyện Sơn Động về việc anh T16 Pnợ tiền Công ty; anh T16 P hiện đang cư trú tại huyện S. Căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là "Kiện đòi tài sản" quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sơn Động.

Tại phiên tòa đại diện Công ty bà Triệu Nguyễn Huệ A có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã tống đạt, niêm yết hợp lệ quyết định xét xử và các văn bản tố tụng nhưng anh T16 P vắng mặt tại phiên tòa lần 2 không có lý do; Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về nội dung vụ án và đánh giá tài liệu, chứng cứ Hội đồng xét xử xét thấy:

Quá trình giải quyết vụ án Công ty TNHH một thành viên C1 – Chi nhánh

T21 đã giao nộp: 01 Điều lệ Công ty; 01 Hợp đồng dịch vụ; 01 Giấy chứng nhân đăng ký hoạt động; 01 Đơn xin bảo lãnh; 01 Giấy xác nhận danh sách giao hàng thành công; 01 Giấy ủy quyền.

Do bị đơn anh Vũ Đức T8 chấp hành đến làm việc và cố tình dấu địa chỉ, nên Tòa án không thu thập được lời khai của anh T17 Tvà ông P6 kgiao nộp tài liệu, chứng cứ gì.

Theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự thì nghĩa vụ chứng minh: *"Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án, tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp".*

Căn cứ vào lời khai, tài liệu chứng cứ của nguyên đơn Công ty TNHH một thành viên C1 cung cấp và những tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được thì có cơ sở xác định:

Ngày 25/5/2023, Công ty TNHH một thành viên C1– Chi nhánh T22 ký hợp đồng dịch vụ số 01247394 với anh Vũ Đức T18 dung ký kết là anh T19 hiện công việc phát đơn hàng cho Công ty, hàng ngày nhận bưu gửi tại bưu cục để mang đi giao cho khách hàng, sau khi giao hàng thì nhận thu lại tiền hàng và tiền cước theo từng bưu gửi, cuối ngày nộp lại số tiền đã thu được và bưu gửi chưa giao được cho nhân viên bưu cục vào lúc 18 giờ cùng ngày.

Ngày 09/6/2023, anh Vũ Đức t nhận và giao hàng chuyển phát thành công 26 đơn hàng, số tiền hàng thu được là 8.397.633đ và tiền cước vận chuyển là 23.000đ; tổng số tiền hàng và cước là 8.420.633đ. Sau khi thực hiện công việc xong anh T8 nộp tiền về cho bưu cục theo quy định, do anh T8 nộp tiền nên nhân viên bưu cục đã yêu cầu anh T5 tiền nhưng anh T8 nộp và cũng từ ngày 10/6/2023 không đến Công ty làm việc nữa, Công ty không thể gặp hay liên lạc được cho anh T

Công ty TNHH một thành viên C1 khởi kiện yêu cầu anh Vũ Đức T7 có trách nhiệm trả cho Công ty số tiền hàng là 8.420.633đ, tiền lãi tính 10%/năm từ ngày 10/6/2023 cho đến nay đối với số tiền 8.420.633đ. Trường hợp anh Vũ Đức T8 có khả năng trả được thì ông Vũ Xuân P2 người đứng ra bảo lãnh phải trả thay cho anh T là có sơ sở chấp nhận.

Ông Vũ Xuân P7 rằng việc anh T11 ký hợp đồng làm việc với Công ty TNHH một thành viên C1– Chi nhánh T1như thế nào ông không biết; ông cũng không được ký đơn xin bảo lãnh ngày 23/5/2023 để anh T12 làm việc tại Công ty nên ông không chấp nhận yêu cầu của Công ty. Ông P8 bày nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh; quá trình làm việc tại Tòa án ông không thừa nhận đứng ra ký đơn bảo lãnh cho anh T20 ông từ chối không yêu cầu giám định, quá trình làm việc thì UBND xã V nhận ngày 23/5/2023 ông P9 anh T11 đến UBND xã V xác nhận đơn xin bảo lãnh là đúng nên ý kiến của ông P đưa ra là không có cơ sở chấp nhận.

Do đó, buộc anh Vũ Đức T7 có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH một thành viên C1 – Chi nhánh T1 như sau:

Về tiền hàng: Số tiền là 8.420.633đ.

Về tiền lãi: Công ty TNHH một thành viên C1 yêu cầu tính tiền lãi theo mức lãi suất là 10%/năm, tương ứng 0,833%/tháng, thời gian tính từ ngày 10/6/2023 cho đến ngày xét xử sơ thẩm 17/4/2023 là 10 tháng 07 ngày là có cơ sở chấp nhận, do đó số tiền lãi được tính như sau: Số tiền 8.420.633đ : 100 x 0.833 lãi x 10 tháng 07 ngày = 865.000đ

Tổng tiền gốc + tiền lãi là: 9.285.600đ (Cộng đã làm tròn số).

Trường hợp anh Vũ Đức T8 trả được số tiền 9.285.600đ cho Công ty TNHH một thành viên C1 – Chi nhánh T21 thì ông Vũ Xuân P5 có trách nhiệm trả thay.

Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có sự thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bên bị đơn anh Vũ Đức T7 chịu toàn bộ tiền án phí DSST đối với số tiền 9.285.600đ. Công ty TNHH một thành viên C1– Chi nhánh T1không phải chịu án phí DSS nên được hoàn lại tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; 35; 144, 147, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 463, 466 và 470 Bộ luật Dân sự. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ – UBTVQH 14 quy định về án phí, lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH một thành viên C1– Chi nhánh T1đối với bị đơn anh Vũ Đức T15 có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Vũ Xuân P4

2. Buộc anh Vũ Đức T phải trả cho Công ty TNHH một thành viên C1- Chi nhánh T1số tiền nợ là 8.420.633đ, tiền lãi tính đến ngày 17/4/2024 là 865.000đ, tổng tiền nợ + tiền lãi là 9.285.600đ (Chín triệu hai trăm tám mươi năm nghìn, sáu trăm đồng). Trường hợp anh Vũ Đức T8 trả được thì ông Vũ Xuân P5 trả cho Công ty TNHH một thành viên C1– Chi nhánh T1số tiền 9.285.600đ.

Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có sự thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Anh Vũ Đức T7 chịu 464.000đ tiền án phí DSST. Hoàn trả Công ty TNHH một thành viên C1– Chi nhánh T1số tiền 300.000đ nộp tạm ứng án

phí DSST, biên lai số 0000774 ngày 25/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Động.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm; báo cho các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Sơn Động;
- Chi cục THADS huyện Sơn Động;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu .

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Toàn